

**SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE  
II VÀ NGƯỜI NHÀ CÓ SỬ DỤNG INSULIN ĐIỀU TRỊ NGOẠI  
TRÚ SAU KHI ĐƯỢC NHÂN VIÊN Y TẾ GIÁO DỤC SỨC  
KHỎE BẰNG MÔ HÌNH TẠI BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ  
NĂM 2020**

---

Ths. Dương Thị Trang

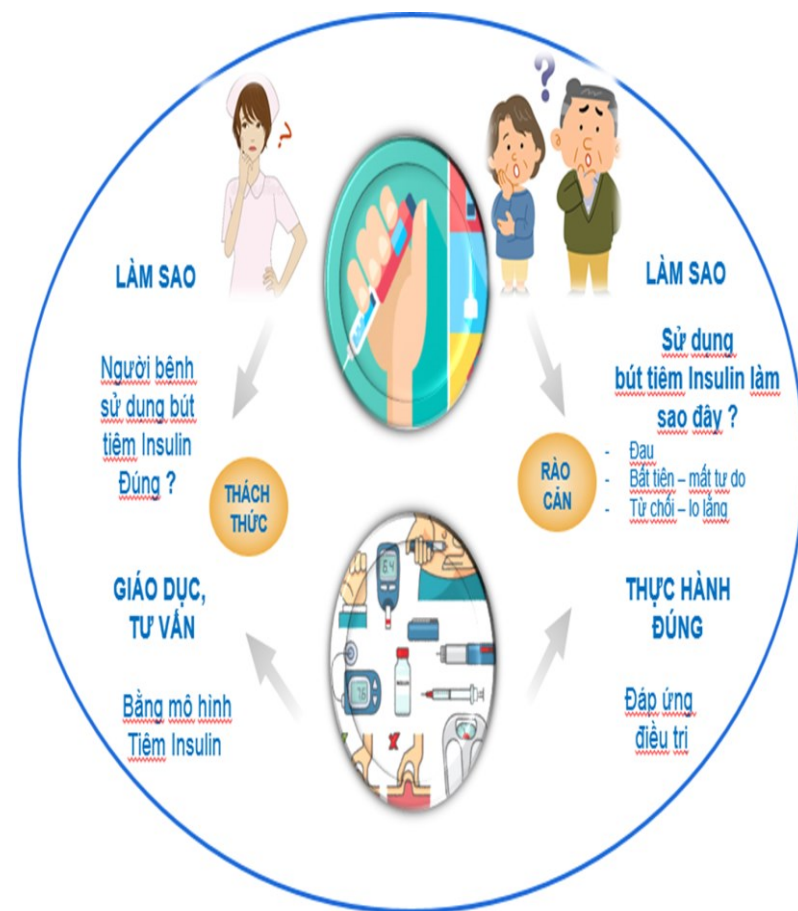
# LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI (1)

- Đánh giá sự hài lòng người bệnh là một trong những phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong bệnh viện
- Năm 2019 Sáng kiến cải tiến “Giáo dục sức khỏe thực hành sử dụng bút tiêm Insulin cho người bệnh đái tháo đường type 2 bằng mô hình”
- Kết quả khảo sát đạt mức 5 trong tiêu chí C6.2 đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2019 của Sở Y tế TP. HCM.



# LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI (2)

- Kết quả trên nhóm triển khai nhân rộng mô hình giáo dục sức khỏe bằng mô hình cho người bệnh – người nhà tại khoa Nội – Nhiễm và khoa Khám bệnh
- Cơ sở cho việc đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân thông qua việc tư vấn – truyền thông giáo dục sức khỏe



# MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Xác định mức độ hài lòng của người bệnh đái tháo đường type II hoặc người nhà có sử dụng insuline điều trị ngoại trú sau khi được NVYT giáo dục sức khỏe bằng mô hình tại bệnh viện quận Tân Phú năm 2020



# MỤC TIÊU CỤ THỂ

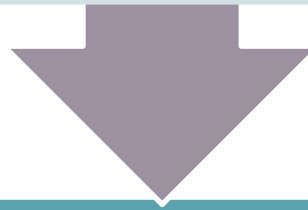
1. Xác định khả năng tự tiêm Insulin trước và sau khi điều dưỡng hướng dẫn tư vấn -GDSK
2. Xác định mức độ hài lòng của người bệnh đái tháo đường type II hoặc người nhà có sử dụng insuline điều trị ngoại trú sau khi được NVYT giáo dục sức khỏe bằng mô hình tại bệnh viện quận Tân Phú năm 2020



# ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (1)

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu can thiệp



Địa điểm nghiên cứu

02 khoa: Khám bệnh, Nội – Nhiễm

# ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU (2)

- **Cỡ mẫu:** Thuận tiện: 140 mẫu từ ngày 1/1/2020 đến 15/7/2020
- **Chọn mẫu:**
  - Người bệnh-người nhà người bệnh
  - Người bệnh tiểu đường type II có chỉ định điều trị ngoại trú bằng tiêm Insulin
  - Người đủ tỉnh táo, đủ năng lực hành vi trả lời bộ câu hỏi, trả lời phỏng vấn và đồng ý tham gia khảo sát



# THU THẬP DỮ LIỆU (1)

- **Bảng Đánh giá khả năng tự tiêm insulin qua bảng kiểm bằng thang điểm 5 và tại 02 thời điểm [7].**
  - Thời điểm thực hành lần thứ 1: Người bệnh thực hiện trước khi điều dưỡng hướng dẫn
  - Thời điểm thực hành lần thứ 2: Người bệnh thực hiện sau khi được điều dưỡng hướng dẫn
  - Các điều tra viên được tập huấn hướng dẫn tiêm và tiến hành khảo sát trực tiếp, check lick trên bảng kiểm khi tư vấn, hướng dẫn



# THU THẬP DỮ LIỆU (1)

- Phiếu Sự hài lòng của NB về công tác tư vấn giáo dục sức khỏe bao gồm: 6 câu hỏi. Mức độ hài lòng dựa trên 5 mức độ hài lòng [8].
- Người bệnh – người nhà đọc và checklist theo 5 mức độ hài lòng

# CHỈ SỐ NGHIÊN CỨU

Đánh giá khả năng tự tiêm insulin: Thuốc lọ, bút tiêm

Phiếu Sự hài lòng của NB về công tác tư vấn giáo dục sức khỏe

Thông tin chung người tham gia khảo sát: tuổi, giới tính, dạng thuốc insulin sử dụng, sử dụng thẻ BHYT, khoa đang điều trị

1. Kiểm tra thuốc: Đồng nhất insulin
2. Chuẩn bị bút tiêm hoặc kim tiêm
3. Lựa chọn vị trí tiêm
4. Thực hành tiêm thuốc

1. Thái độ giao tiếp,
2. Nội dung tư vấn –GDSK
3. Giải đáp thắc mắc liên quan sử dụng Insulin
4. Sự hài lòng chung

# PHƯƠNG PHÁP TƯ VẤN - GDSK

- Tư vấn, hướng dẫn thực hành trực tiếp trên mô hình
- Tờ rơi hình ảnh sơ đồ vị trí tiêm insulin,
- Tờ rơi hình ảnh các bước thực hành bút tiêm insulin.

# PHƯƠNG PHÁP TƯ VẤN - GDSK

CHNT\_Hc\_MSE\_068\_2014

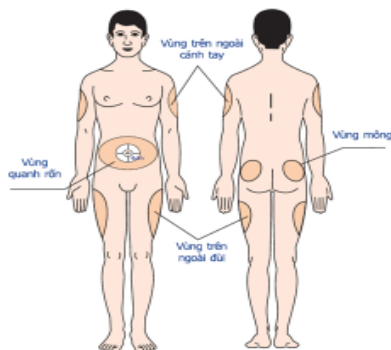
## TỜ RƠI VÀ MÔ HÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TIÊM INSULIN



Tờ rơi vị trí tiêm



Mô hình thực hành tiêm



### Sơ đồ vị trí tiêm Insulin

- Các vùng tiêm
  - ✓ Bụng (thường dùng nhất)
  - ✓ Đùi
  - ✓ Cánh tay
  - ✓ Mông
- Nên thay đổi vị trí tiêm trong vùng để
  - ✓ Thuốc hấp thu ổn định
  - ✓ Tránh tổn thương mô dưới da

CHNT\_Hc\_MSE\_068\_2014

### Sử dụng bút tiêm FlexPen đơn giản, thuận tiện



Thông tin kê toa

# PHƯƠNG PHÁP TƯ VẤN - GDSK

CHNT\_HH\_MIS\_06R\_2014

## TƯ VẤN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO NGƯỜI BỆNH



Trước tư vấn - GDSK



Sau tư vấn - GDSK

CHNT\_HH\_MIS\_06R\_2014

## TƯ VẤN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO NGƯỜI NHÀ BỆNH NHÂN



Trước tư vấn - GDSK



Sau tư vấn - GDSK

# XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU

- Nhập, quản lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0.
- Mô tả các kết quả qua các chỉ số tỷ lệ %, điểm trung bình và độ lệch chuẩn.

# ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU

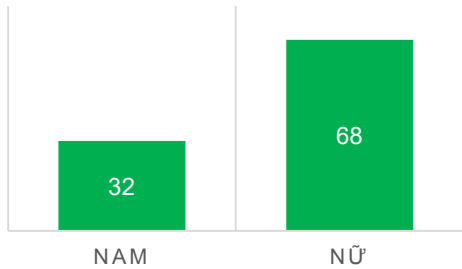
- Nghiên cứu này được sự chấp thuận và thông qua Hội đồng Khoa học Kỹ thuật bệnh viện.
- Quyền lợi và các thông tin của người bệnh được đảm bảo đúng nội quy về đạo đức trong nghiên cứu theo quy định của Bệnh viện; Hội đồng khoa học công nghệ của bệnh viện.

# KẾT QUẢ (1)

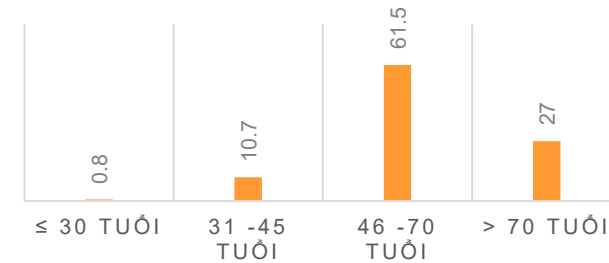
## Biểu đồ 1: Đặc điểm dân số xã hội của người bệnh – người nhà (n=140)

- Tổng số người tham gia: 140 người. Tỷ lệ
- Giới tính: nữ là 68,0%, chiếm đa số
- Người bệnh được khảo sát chiếm cao hơn nhóm người nhà là 78.0%
- Đa số người tham gia khảo sát trong nhóm tuổi 46 - 70 tuổi (87 người, chiếm 61,5%)
- Người bệnh chỉ định sử dụng thuốc lọ (53%) chiếm cao hơn nhóm sử dụng bút tiêm (47.0%).
- Đa số người bệnh có sử dụng BHYT chiếm 91.3%

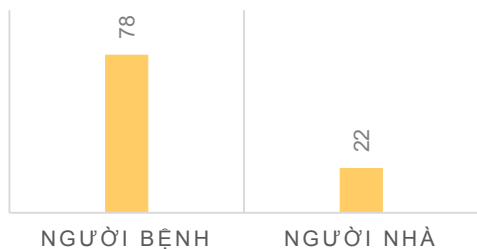
GIỚI TÍNH



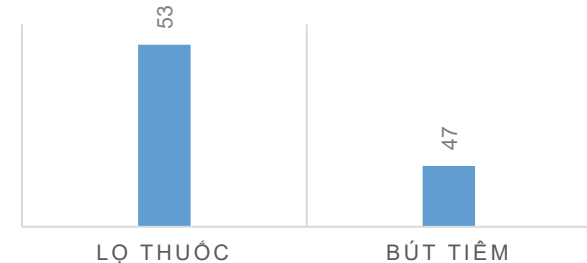
NHÓM TUỔI



ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT



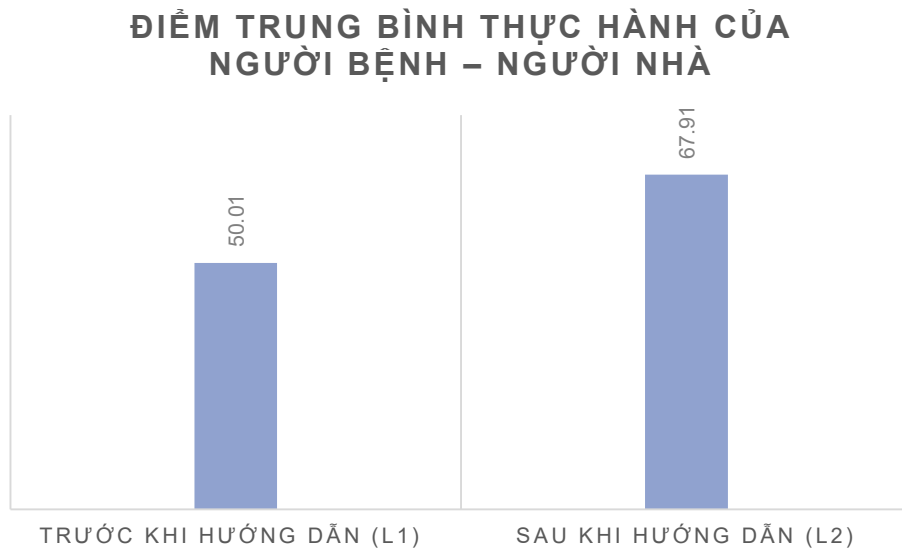
DẠNG THUỐC TIÊM INSULIN





# KẾT QUẢ (2)

- Biểu đồ 2: Kết quả so sánh t – test và điểm trung bình thực hành của người bệnh – người nhà thực hành tự tiêm trên mô hình trước và sau khi được điều dưỡng tư vấn – hướng dẫn (n=140 người)



**Điểm trung bình thực hành của người bệnh – người nhà thực hành tự tiêm trên mô hình:**

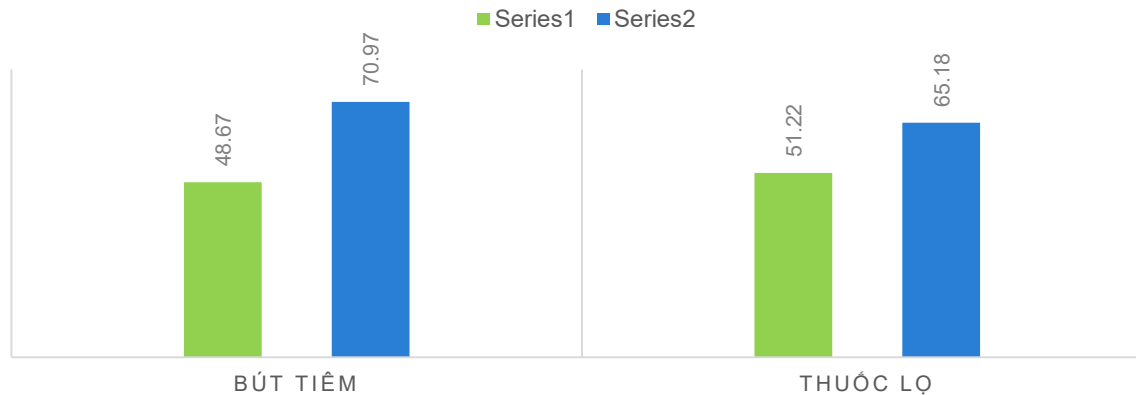
- Trước khi hướng dẫn (L1): 50.01 (SD = 11.41)
- Sau khi hướng dẫn (L2): 67.91 (SD = 6.20)

Điểm trung bình thực hành tự tiêm Insulin của người bệnh – người nhà sau khi điều dưỡng tư vấn, hướng dẫn cao hơn điểm trung bình thực hành trước khi điều dưỡng tư vấn, hướng dẫn có ý nghĩa thống kê (t lần lượt là 51.82, 129.53, với  $p < .001$ ).

# KẾT QUẢ (3)

- Biểu đồ 3: Điểm trung bình thực hành tự tiêm Insulin trên mô hình mô giữa nhóm thuốc lợ và bút tiêm trước và sau khi tư vấn – hướng dẫn (n=140 người)

ĐIỂM TRUNG BÌNH THỰC HÀNH TỰ TIÊM INSULIN GIỮA NHÓM THUỐC LỢ VÀ BÚT TIÊM



**Điểm trung bình khả năng thực hành tự tiêm Insulin của người bệnh – người nhà giữa nhóm thuốc lợ và bút tiêm:**

- (L1) : Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (với  $p > .05$ ) giữa nhóm sử dụng thuốc lợ và bút tiêm lần lượt là ĐTB = 51.22 (SD = 9.99); ĐTB = 48.67 (SD = 12.77).
- (L2): Người sử dụng bút tiêm có điểm trung bình thực hành 70.97 (SD = 5.24) cao hơn có ý nghĩa thống kê ( $p < .001$ ) so với nhóm người sử dụng thuốc lợ 65.18 (SD

# KẾT QUẢ (4)

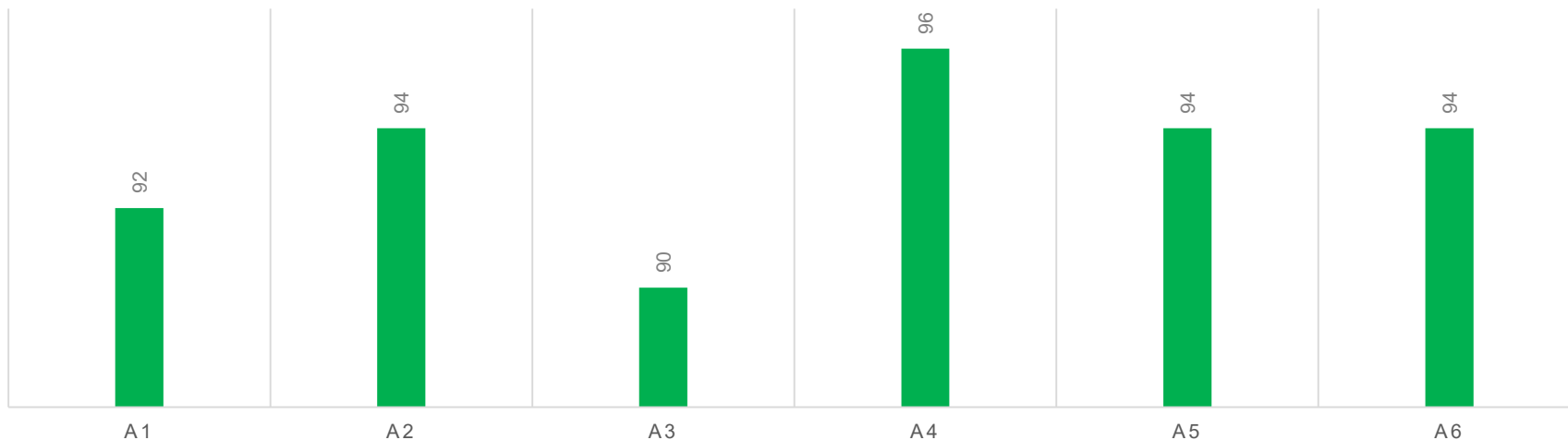
- Bảng 1: Điểm trung bình người bệnh – người nhà hài lòng việc tư vấn; hướng dẫn thực hành tự tiêm Insulin trên mô hình (n=140)

Đánh giá việc tư vấn- truyền thông giáo dục sức khỏe bằng mô hình	Điểm trung bình các mục
Hài lòng trung bình chung	4.8
<b>Trong đó:</b>	
A1: Điều dưỡng hướng dẫn, giáo dục sức khỏe có dễ tiếp xúc, gặp gỡ khi hướng dẫn, tư vấn	4.6
A2: Chương trình giáo dục sức khỏe bằng mô hình giúp tôi trong việc tiêm Insulin đúng cách	4.7
A3. Khi được hướng dẫn, giáo dục sức khỏe về sử dụng bút tiêm Insulin có làm phiền đến công việc và thời gian hay không?	4.5
A4. Việc hướng dẫn tiêm Insulin của điều dưỡng có đem lại hiệu quả	4.8
A5. Điều dưỡng luôn giải đáp tất cả những thắc mắc của tôi về các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc tiêm Insulin	4.7

# KẾT QUẢ (5)

- Biểu đồ 4: Tỷ lệ % người bệnh – người nhà hài lòng việc tư vấn; hướng dẫn thực hành tự tiêm Insulin trên mô hình ở các mục (n=140)

TỶ LỆ % NGƯỜI BỆNH – NGƯỜI NHÀ HÀI LÒNG VIỆC TƯ VẤN -GDSK



- **Tỷ lệ hài lòng chung cho tất cả các mục khảo sát chiếm tỷ lệ cao 96%. Trong đó:**
  - Tỷ lệ người bệnh hài lòng việc hướng dẫn tiêm Insulin của điều dưỡng có đem lại hiệu quả (A4) chiếm tỷ lệ tương đương 96%.
  - Tỷ lệ người bệnh hài lòng về thái độ tiếp xúc, gặp gỡ khi hướng dẫn, tư vấn (A1) chiếm 92%.

# BÀN LUẬN (1)

- Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng người bệnh khi được giáo dục sức khỏe về cách tự tiêm Insulin khá cao chiếm 96%.
- Điểm trung bình thực hành của người bệnh – người nhà sau khi điều dưỡng tư vấn, hướng dẫn (ĐTB = 67.91) cao hơn thời điểm trước khi điều dưỡng tư vấn, hướng dẫn (ĐTB= 50.01).
  - Tăng khả năng thực hành tự tiêm Insulin của người bệnh – người nhà sau khi điều dưỡng hướng dẫn – tư vấn
  - Tăng sự hài lòng cho người bệnh ĐTĐ type 2 khi được điều trị tại bệnh viện.

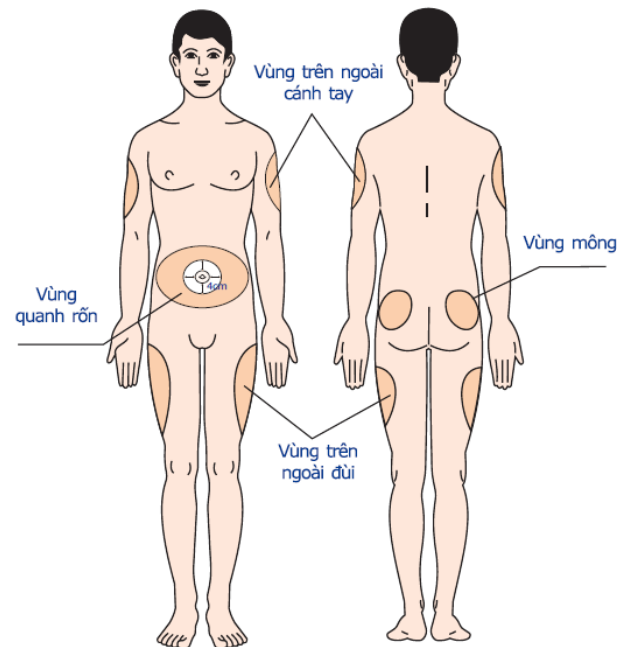
# BÀN LUẬN (2)

Sự khác biệt, người sử dụng bút tiêm điểm trung bình (ĐTB) thực hành là 70.97 cao hơn người sử dụng thuốc lọ ĐTB là 65.18 (Bảng 3). Do:

- Nhóm bút tiêm có Protocol có tờ rơi với hình ảnh đẹp mắt, rõ ràng từng bước
- Nhóm sử dụng thuốc lọ chưa có Protocol

### Hướng dẫn sử dụng bút tiêm Insulin®

- Làm ấm và đồng nhất thuốc**
  - Tháo nắp bút tiêm
  - Lần tròn bút tiêm 10 lần
  - Di chuyển bút tiêm lên xuống 10 lần cho đến khi dung dịch đồng nhất
- Gắn kim**
  - Vặn kim thẳng và chặt vào bút tiêm
  - Tháo nắp lớn bên ngoài kim
  - Tháo nắp nhỏ bên trong
- Đuổi bọt khí**
  - Xoay nút chọn liều tiêm để chọn 2 đơn vị
  - Hướng kim lên trên, gõ nhẹ vào đầu bút tiêm vài lần
  - Ấn nút bấm liều tiêm hoàn toàn
- Định liều tiêm**
  - Ví dụ: 24 đơn vị
  - Xoay nút chọn liều tiêm để chọn số đơn vị bạn cần tiêm theo y lệnh của bác sĩ
- Tiêm thuốc**
  - Ấn nút bấm liều tiêm xuống hoàn toàn đến khi số không nằm ngang với vạch chỉ liều tiêm
  - Giữ nguyên kim ít nhất 6 giây
  - Đưa kim vào trong nắp lớn vẫn tháo kim ra, đẩy nắp bút tiêm và bảo quản nơi mát



## BÀN LUẬN (3)

- Mức độ hài lòng công tác tư vấn- giáo dục sức khỏe bằng mô hình rất cao chiếm 96%.
- Giáo dục sức khỏe có ảnh hưởng đến công việc, thời gian của người bệnh – người nhà là 90%
- Tư vấn – GDSK ảnh hưởng đến thời gian, công việc của người bệnh – người nhà cũng chấp nhận và đồng thuận
- Cơ sở để đánh giá hiệu quả cũng như chất lượng công tác giáo dục sức khỏe mà điều dưỡng cung cấp
- Là tiêu chí đánh giá chất lượng chăm sóc và điều trị tại các cơ sở khám chữa bệnh theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế (Phiên bản 2.0)

# KẾT LUẬN

- Kết quả chương trình can thiệp sau khi hướng dẫn giáo dục sức khỏe bằng mô hình cho thấy tỷ lệ hài lòng người bệnh – người nhà gần như tuyệt đối 96%.
- Sáng kiến cải tiến trong việc tư vấn – GDSK đem lại:
  - Hiệu quả và ý nghĩa của việc tư vấn – giáo dục sức khỏe cho người bệnh là rất cần thiết
  - Vai trò của người điều dưỡng trong tư vấn - giáo dục sức khỏe.



# KHUYẾN NGHỊ (1)

- Triển khai mô hình tư vấn – giáo dục sức khỏe trực quan ở các kỹ thuật:
  - ✓ Đo chức năng hô hấp,
  - ✓ Phun khí dung,
  - ✓ Sử dụng bình định liều cho người bệnh hen
- Tăng cường đào tạo, huấn luyện kỹ năng cho đội ngũ điều dưỡng:
  - ✓ Tư vấn; truyền thông – giáo dục sức khỏe,
  - ✓ Giao tiếp

# KHUYẾN NGHỊ (2)

- Bổ sung các protocol thuốc lọ tiêm Insulin, phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe để đạt hiệu quả tối ưu.
- Cơ sở để xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học về mối liên quan giữa khả năng thực hành và sự hài lòng của người bệnh – người nhà trong tư vấn, giáo dục sức khỏe

# TÀI LIỆU THAM KHẢO (1)

1. Bộ Y tế (2013), Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Đề án “Xác định phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công” Số: 4448/QĐ-BYT, ngày 06/11/2013.
2. Phan Văn Hợp (2018), “Đánh giá sự hài lòng của người bệnh và người nhà người bệnh điều trị nội trú tại bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định”. Tạp chí Nghiên cứu khoa học, tập 02 số 02.
3. Lê Thị Tài (2005). “Ảnh hưởng của mô hình truyền thông GDSK – Câu lạc bộ “Phụ nữ vì sức khỏe và môi trường” lên kiến thức, thực hành về vệ sinh môi trường. Tạp chí Y học thực hành số 39

# TÀI LIỆU THAM KHẢO (2)

4. Đặng Ngọc Chánh, Lê Ngọc Diệp, Nguyễn Đỗ Quốc Thống (2012), “Kết quả nghiên cứu của mô hình truyền thông giáo dục sức khỏe thông qua cộng tác viên địa phương về nước sạch và vệ sinh môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu tại huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp”. Tạp chí y học Hồ Chí Minh năm 2012, tập 16 số 3
5. Nguyễn Trung Kiên & Lưu Thị Hồng Vân (2011), "Nghiên cứu kiến thức, thực hành về bệnh đái tháo đường của bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại bệnh viện Đa khoa Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu năm 2010", Tạp chí y học thực hành, 763(5), tr. 20-23.
6. Bộ Y tế (2016), “Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam” phiên bản 2.0, Quyết định số 6858/QĐ – BYT, ngày 18/11/2016.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO (2)

7. Mẫu bảng kiểm Đánh giá khả năng tự tiêm insulin
8. Mẫu phiếu Sự hài lòng của NB về công tác tư vấn giáo dục sức khỏe

**KÍNH CHÚC HỘI NGHỊ THÀNH  
CÔNG TỐT ĐẸP**

*Thank  
you*

